**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÝ 10 BÀI 22:**

**DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ**

**Câu 1:**  Dân số thế giới hiện nay là trên

**A.** 5 tỉ người **B.** 6 tỉ người **C.** 7 tỉ người. **D.** 8 tỉ người

**Câu 2:**  Nước có số dân đông nhất thế giới hiện nay là

**A.** Hoa Kỉ. **B.** Liên bang Nga. **C.** Trung Quốc. **D.** Ấn Độ.

**Câu 3:**   Dân số trên thế giới tăng lên hay giảm đi là do

**A.** sinh đẻ và nhập cư. **B.** xuất cư và tử vong,

**C.** sinh đẻ và tử vong. **D.** sinh đẻ và xuất cư.

**Câu 4:**  Tỉ suất sinh thô không phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

**A.** Tự nhiên - sinh học. **B.** Biến đổi tự nhiên,

**C.** Phong tục tập quán. **D.** Tâm lí xã hội.

**Câu 5:**  Tỉ suất tử thô không phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

**A.** Chiến tranh. **B.** Đói kém. **C.** Thiên tai. **D.** Sinh học.

**Câu 6:**  Dân số thế giới tăng hay giảm là do

**A.** Sinh đẻ và tử vong. **B.** Số trẻ tử vong hằng năm.

**C.** Số người nhập cư. **D.** Số người xuất cư.

**Câu 7:**  Nhận xét nào sau đây không đúng

**A.** Quy mô dân số thế giới ngày càng lớn

**B.** Quy mô dân số có sự khác nhau giữa các quốc gia

**C.** Dự báo đến 2025 dân số thế giới đạt mức 7 tỉ người

**D.** Trong số 200 quốc gia và vùng lãnh thổ thì có 11 quốc gia dân số trên 100 triệu

**Câu 8:**  Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra với

**A.** Số trẻ em bị tử vong trong năm. **B.** Số dân trung bình ở cùng thời điểm.

**C.** Số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. **D.** Số phụ nữ trong cùng thời điểm.

**Câu 9:**  Hiệu số giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất từ thô được gọi là

**A.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên. **B.** Gia tăng cơ học.

**C.** Số dân trung bình ở thời điểm đó. **D.** Nhóm dân số trẻ.

**Câu 10:**  Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là

**A.** Gia tăng dân số. **B.** Gia tăng cơ học.

**C.** Gia tăng dân số tự nhiên. **D.** Quy mô dân số.

**Câu 11:**  Tổng số giữa tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học của một quốc gia , một vùng được gọi là

**A.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên **B.** Cơ cấu sinh học.

**C.** Gia tăng dân số. **D.** Quy mô dân số.

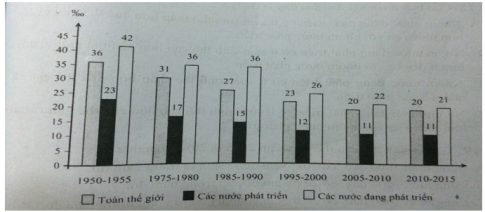
**Câu 12:**  Nhân tố nào làm cho tỉ suất từ thô trên thế giới giảm ?

**A.** Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước .

**B.** Thiên tai ngày càn nhiều.

**C.** Phong tục tập quán lạc hậu.

***D.*** *Tiến bộ về mặt y tế và khoa học kĩ thuật.*



Dựa vào biểu đồ trên , trả lời các câu hỏi từ 13 đến 15.

**Câu 13:**  Biểu đồ trên là

**A.** Biểu đồ cột chồng **B.** Biểu đồ cột ghép **C.** Biểu đồ miền **D.** Biểu đồ đường

**Câu 14:**  Nhận xét nào sau đây là đúng ?

**A.** Tỉ suất sinh thô trên toàn thế giới, các nhóm nước phát triển và đang phát triển đều có xu hướng giảm.

**B.** Tỉ suất sinh thô trên toàn thế giới giảm, nhóm nước phát triển và đang phát triển đều có xu hướng tăng.

**C.** Tỉ suất sinh thô trên toàn thế giới, các nhóm nước phát triển giảm, nhôm nước đang phát triển có xu hướng tăng.

**D.** Tỉ suất sinh thô trên toàn thế giới tăng, các nhóm nước phát triển và đang phát triển đều có xu hướng giảm.

**Câu 15:**  Cho biết nhận xét nào sau đây là đúng

**A.** Nhóm nước đang phát triển có tỉ suất thô thấp hơn của thế giới và cao hơn nhiều so với nhóm nước phát triển.

**B.** Nhóm nước đang phát triển có tỉ suất thô cao hơn của thế giới và thấp hơn nhiều so với nhóm nước phát triển.

**C.** Nhóm nước đang phát triển có tỉ suất sinh thô thấp hơn của thế giới và thấp hơn nhiều so với nhôm nước phát triển.

**D.** Nhóm nước đang phát triển có tỉ suất sinh thô thấp hơn của thế giới và nhóm nước phát triển.

**Câu 16:**  Chỉ số phản ánh trình độ nuôi dưỡng và sức khỏe của trẻ em là

**A.** Tỉ suất sinh thô. **B.** Tỉ suất tử thô.

**C.** Tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh (dưới 1 tuổi). **D.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.

**Câu 17:**  Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất từ thô

**A.** Càng cao. **B.** Càng thấp. **C.** Trung bình. **D.** Không thay đổi.

**Câu 18:**  Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh cao ?

**A.** Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều. **B.** Phong tục tập quán lạc hậu.

**C.** Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao. **D.** Mức sống cao.

**Câu 19:**  Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm với

**A.** Số dân trong độ tuổi từ 60 tuổi trở lên. **B.** Số người trong độ tuổi lao động.

**C.** Số dân trung bình ở cùng thời điểm. **D.** Số người ở độ tuổi từ 0 – 14 tuổi.

**Câu 20:**  Động lực làm tăng dân số thế giới là

**A.** Gia tăng cơ học **B.** Gia tăng dân số tự nhiên.

**C.** Gia tăng dân số tự nhiên và cơ học. **D.** Tỉ suất sinh thô.

**Câu 21:**  Nguyên nhân làm cho tỉ lệ xuất cư của một nước hay một vùng lanh thổ tăng lên là

**A.** Môi trường sống thuận lợi. **B.** Dễ kiếm việc làm.

**C.** Thu nhập cao. **D.** Đời sống khó khăn , mức sống thấp.

**Câu 22:**  Nguyên nhân làm cho tỉ lệ nhập cư của một nước hay vùng lãnh thổ giảm đi là

**A.** Tài nguyên phong phú. **B.** Khí hậu ôn hòa.

**C.** Thu nhập cao. **D.** Chiến tranh , thiên tai nhiều.

**Câu 23:**  Châu lục nào có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp nhất?

**A.** Châu Phi **B.** Châu Âu **C.** Châu Mỹ **D.** Châu Đại Dương

**Câu 24:**  Tỉ suất sinh thô 24 0/00 có nghĩa là

**A.** trung bình 1000 dân có 24 trẻ em được sinh ra

**B.** trung bình 1000 dân có 24 trẻ em dưới 5 tuổi

**C.** trung bình 1000 dân có 24 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ

**D.** trung bình 1000 dân có 24 phụ nữ mang thai

**Câu 25:**  Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quan trọng nhất đến tỉ suất sinh của một quốc gia?

**A.** Tự nhiên - sinh học. **B.** Phát triển kinh tế - xã hội.

**C.**  Phong tục tập quán. **D.** Tâm lí xã hội.

**Câu 26:**  Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định đến tỉ suất sinh của một quốc gia?

**A.** Tự nhiên - sinh học. **B.** Chính sách dân sổ.

**C.**  Phong tục tập quán. **D.** Tâm lí xã hội.

**Câu 27:**  Tỉ suất tử thô 9 0/00 có nghĩa là

**A.** trung bình 1000 dân có 9 trẻ em chết

**B.** trung bình 1000 dân có 9 người cao tuổi

**C.** trung bình 1000 dân có 9 người chết

**D.** trung bình 1000 dân có 9 trẻ em có nguy cơ tử vong

**Câu 28:**  Ti suất gia tăng dân số tự nhiên là

**A.** hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử **B.** tổng số giữa ti suất sinh và tỉ suất tử

**C.** hiệu số giữa người xuất cư, nhập cư. **D.** tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

**Câu 29:**  Gia tăng cơ học không có ảnh hưởng lớn đến vấn đề

**A.** quốc gia. **B.** Các vùng **C.** thế giới. **D.** khu vực.

**Câu 30:**  Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây quyết định đên xuat cư va nhạp cư giưa vùng trong lãnh thổ một quốc gia?

**A.** Địa hình. **B.** Khí hậu. **C.** Kinh tế. **D.** Việc làm.

**Câu 31:**  Một vùng có nhiều dân nhập cư đến thông thường có nhiều

**A.** lao động nam. **B.** lao động nữ.

**C.** người cao tuổi. **D.** trẻ em nhỏ.

**Câu 32:**  Một vùng có nhiều dân xuất cư thông thường không có nhiều

**A.** thanh niên. **B.** phụ nữ. **C.** người già. **D.** trẻ em.

**Câu 33:**  Giả sử tỉ suất gia tăng dân số của toàn thế giới năm 2015 là 1,2% và không thay đổi trong suốt thời kì 2000 – 2020 , biết rằng số dân toàn thế giới năm 2015 là 7346 triệu người . Số dân của năm 2014 là

**A.** 7257,8 triệu người. **B.** 7287,8 triệu người.

**C.** 7169,6 triệu người. **D.** 7258,9 triệu người.

**Câu 34:**  Giả sử tỉ suất gia tăng dân số của toàn thế giới năm 2015 là 1,2% và không thay đổi trong suốt thời kì 2000 – 2020 , biết rằng số dân toàn thế giới năm 2015 là 7346 triệu người . Số dân của năm 2016 sẽ là

**A.** 7468,25 triệu người. **B.** 7458,25 triệu người.

**C.** 7434,15 triệu người. **D.** 7522,35 triệu người.

**Câu 35:**  Nhân tố nào quyết định sự biến động dân số trên thế giới?

**A.** Sinh đẻ và tử vong. **B.** Số trẻ tử vong hằng năm.

**C.** Số người nhập cư. **D.** Số người xuất cư.

**Câu 36:**  Nguyên nhân nào là quan trọng nhất dẫn đến tỉ suất tử thô trên thế giới có xu hướng giảm ?

**A.** Sự phát triển kinh tế. **B.** Thu nhập được cải thiện.

**C.** Tiến bộ về y tế và khoa học kĩ thuật. **D.** Hòa bình trên thế giới được đảm bảo.

**Câu 37:**  Nhân tố nào sau đây ít tác động đến tỉ suất sinh ?

**Câu 38:**  Nhận xét nào sau đây không đúng

**A.** Tỉ suất sinh thô của các nước phát triển, đang phát triển đều có xu hướng giảm

**B.** Tỉ suất sinh thô của các nước phát triển thấp hơn các nước đang phát triển

**C.** Tỉ suất tử thô của các nước phát triển thấp hơn các nước đang phát triển

**D.** Tỉ suất tử thô của các nước phát triển cao hơn các nước đang phát triển

**Câu 39:**  Nhận xét nào sau đây đúng

**A.** Nguyên nhân duy nhất làm tỉ suất tử thô biến động là các cuộc chiến tranh

**B.** Tỉ suất tử thô của các nước phát triển cao hơn các nước đang phát triển

**C.** Tỉ suất tử thô của các nước phát triển, đang phát triển đều có xu hướng tăng

**D.** Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết với dân số trung bình cùng thời điểm

**Câu 40:**  thời gian dân số thế giới tăng thêm một tỉ người biến động theo xu thế nào?

**A.** rút ngắn **B.** kéo dài **C.** ổn định **D.** thần tốc

**Câu 41:**   Hiệu số giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là

**A.** tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên **B.** gia tăng cơ học

**C.** số dân trung bình ở thời điểm đó **D.** nhóm dân số trẻ

**Câu 42:**   Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là

**A.** gia tăng dân số **B.** gia tăng cơ học

**C.** gia tăng dân số tự nhiên **D.** quy mô dân số

**Câu 43:**   Quốc gia nào hiện có quy mô dân số đứng đầu thế giới?

**A.** Trung Quốc **B.** Ấn Độ **C.** Hoa Kì **D.** In - đô – nê- xi - a

**Câu 44:**  Phát biểu nào sau đây không đúng với tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên?

**A.** Quyết định đến sự biến động dân số của một quốc gia.

**B.** Tác động lớn đến cơ cấu dân số theo tuổi của quốc gia

**C.**  Ảnh hưởng mạnh đến sự phân bổ dân cư của quốc gia

**D.** Là động lực phát triển dân số của quốc gia thế giới

**Câu 45:**   Đâu là động lực phát triển dân số thế giới?

**A.** Gia tăng cơ học **B.** Gia tăng dân số tự nhiên

**C.** Tỉ suất sinh thô **D.** Gia tăng dân số tự nhiên và cơ học

**Câu 46:**  Đâu là hậu quả của việc dân số tăng nhanh?

**A.** Kinh tế chậm phát triển, mất an ninh xã hội, ô nhiễm môi trường

**B.** Chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khó khai thác tài nguyên

**C.** Mất an ninh trật tự xã hội, gia tăng các loại tội phạm

**D.** Khó khai thác tài nguyên, đời sống người dân khó khăn

**Câu 47:**  Gia tăng cơ học là sự chênh lệch giữa

**A.** ti suất sinh thô và tỉ suất từ thô. **B.** số người xuất cư và nhập cư.

**C.** ti suất sinh và người nhập cư. **D.** tỉ suất sinh và người xuất cư.

**Câu 48:**   Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Việt Nam năm 2005 nằm ở mức nào?

**A.** thấp **B.** trung bình **C.** cao **D.** rất cao

**Câu 49:**  Châu lục nào có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao nhất?

**A.** Châu Phi **B.** Châu Á **C.** Châu Mỹ **D.** Châu Đại Dương

**Câu 50:**   Nhận xét nào sau đây đúng

**A.** Thời gian dân số thế giới tăng gấp đôi ngày càng rút ngắn

**B.** Dân số thế giới biến động chủ yếu là do gia tăng cơ học

**C.** Dân số tăng nhanh giúp phát triển kinh tế các nước

**D.** Người cao tuổi luôn là gánh nặng cho nền kinh tế

**Câu 51:**  Dân số của Ấn Độ năm 2016 là 1326,8 triệu người, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Ấn Độ là 1,6%. Vậy dân số của Ấn Độ năm 2017 là

**A.** 1348,03 triệu người **B.** 1348,30 triệu người

**C.** 1438,03 triệu người **D.** 1438,30 triệu người

**Câu 52:**   Dân số của Việt Nam năm 2015 là 93.4 triệu người , tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Việt Nam là 1%. Vậy dân số của Việt Nam năm 2016 là

**A.** 94.334 triệu người **B.** 94.344 triệu người **C.** 94.434 triệu người **D.** 94.444 triệu người

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| ĐA | C | C | C | B | D | A | C | B | A | B |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ĐA | C | D | B | A | B | C | B | B | C | B |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| ĐA | D | D | B | A | B | B | C | A | C | C |
| Câu | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| ĐA | A | A | D | C | A | C | A | D | A | A |
| Câu | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 |
| ĐA | A | B | A | C | B | A | B | B | A | A |
| Câu | 51 | 52 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ĐA | A | A |  |  |  |  |  |  |  |  |